

Số: *1296* /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *11* tháng *8* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:  
Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*  
*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*  
*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*  
*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*  
*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*  
*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*  
*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*  
*Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*  
*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*  
*Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận*



quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 13/7/2021 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và các phòng ban chuyên môn về việc thống nhất kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 551/TTr-TNMT ngày 06 / 8/2021 và Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 70/TTr-TTPTQĐ ngày 08/4/2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **128.374.112 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn một trăm mười hai đồng).

#### **Trong đó:**

<b>- Chi trả cho chủ sở hữu:</b>	<b>58.556.042 đồng</b>
+ Bồi thường về đất:	5.516.000 đồng
+ Bồi thường tài sản vật kiến trúc:	24.990.042 đồng
+ Bồi thường về cây cối, hoa màu:	6.168.000 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	21.882.000 đồng
<b>- Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</b>	<b>69.818.070 đồng</b>

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)



2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ Khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng**

(Kèm theo Quyết định số: **1276** /QĐ-UBND ngày **11** tháng **8** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

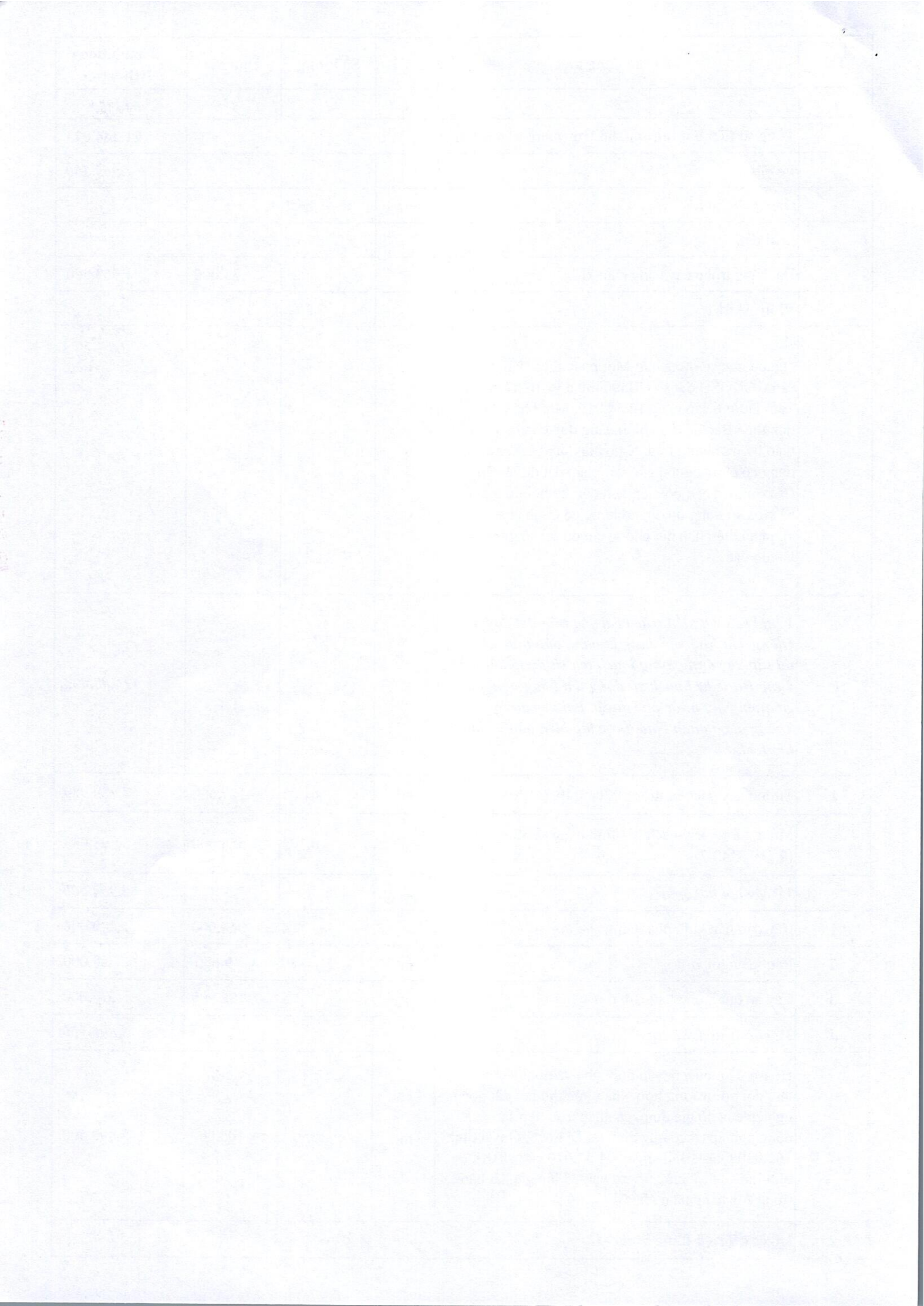
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4*5</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>128.374.112</b>
<b>I</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu (1+2+3+4)</b>				<b>58.556.042</b>
1	Về đất				5.516.000
2	Về tài sản vật kiến trúc				24.990.042
3	Về cây cối hoa màu				6.168.000
4	Về chính sách hỗ trợ				21.882.000
<b>II</b>	<b>Kinh phí tổ chức thực hiện (1+2+3+4+5+6+7)</b>				<b>69.818.070</b>
1	Trung tâm PTQĐ thành phố chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				16.041.100
2	Chi phí đo đạc địa chính (Đã được phê duyệt tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Lai Châu)				35.184.381
3	Chi phí Tư vấn xác định giá đất cụ thể				17.421.468
4	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.				585.560
5	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể.				234.224
6	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.				234.224
7	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư.				117.112
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN</b>				<b>58.556.042</b>
<b>1</b>	<b>Hộ bà Giảng Thị Xoa</b>				
Địa chỉ thường trú: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					



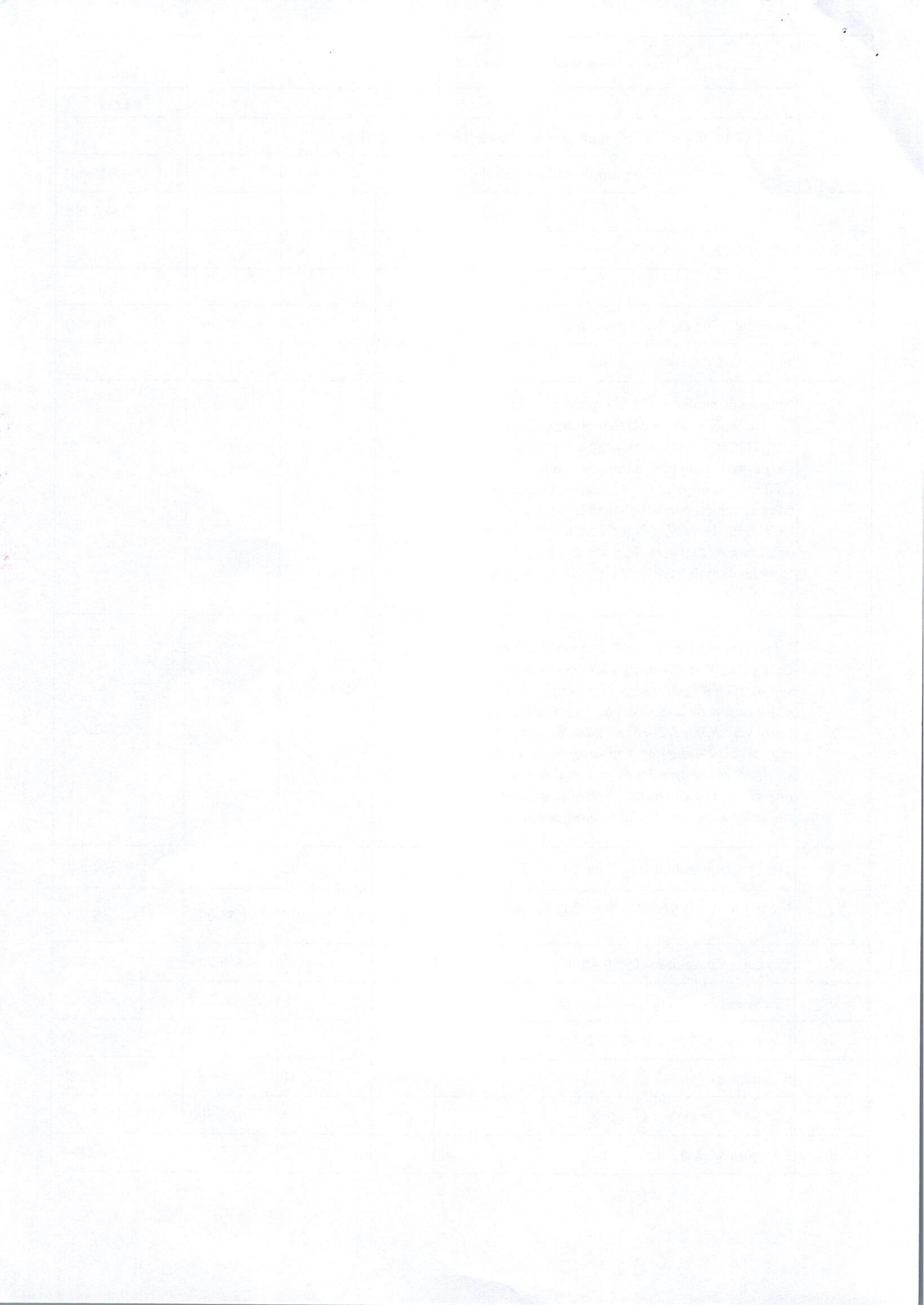




TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)</b>				<b>21.346.023</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>1.963.500</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	56,1		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	56,1	35.000	1.963.500
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc sử dụng đất: Một phần diện tích được cấp GCNQSD đất số CB490469 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 12/5/2016. Một phần diện tích theo Bản đồ địa chính đang quy chủ là đường giao thông nhưng thực tế do gia đình bà Xoa sử dụng có cùng nguồn gốc với phần đất được cấp GCN trên. Toàn bộ diện tích đất thu hồi do gia đình bà Xoa sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, phần diện tích đất chồng lấn do sai số giữa các lần đo đạc.</p>				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản trên đất do bà Giàng Thị Xoa xây dựng khoảng đầu năm 2016, tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cơ quan Nhà nước phê duyệt, khi xây dựng không bị cơ quan Nhà nước lập biên bản vi phạm hành chính</b>				<b>11.188.023</b>
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (40,7*1,5)	m <sup>2</sup>	61,05	127.600	7.789.980
2	Móng tường xây gạch bi ( tính bằng kê xây gạch) (0,5*0,3*40,7)	m <sup>3</sup>	6,105	556.600	3.398.043
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>2.304.000</b>
1	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	4	360.000	1.440.000
2	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	30	9.600	288.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	3	192.000	576.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>5.890.500</b>
1	<p>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác</p>				5.890.500
<b>2</b>	<b>Hộ ông Triệu Phúc Long</b>				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Địa chỉ thường trú: Tổ 19 - phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	<b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)</b>				<b>4.935.661</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>521.500</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	14,9		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	14,9	35.000	521.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Một phần diện tích được cấp GCNQSD đất số BQ261950 ngày 05/8/2016 do UBND huyện Tam Đường cấp. Một phần diện tích theo Bản đồ địa chính đang quy chủ là đường giao thông nhưng thực tế do gia đình ông Long sử dụng có cùng nguồn gốc với phần diện tích được cấp GCN trên. Toàn bộ diện tích đất thu hồi do gia đình ông Long sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, phần diện tích đất chồng lấn do sai số giữa các lần đo đạc.				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản trên đất do bà Giàng Thị Xoa xây dựng khoảng đầu năm 2016, sau đó tách 01 phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Phúc Long vào tháng 8/2016; tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cơ quan Nhà nước phê duyệt, khi xây dựng không bị cơ quan Nhà nước lập biên bản vi phạm hành chính)</b>				<b>2.201.661</b>
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (6,1*1,5)	m <sup>2</sup>	9,15	127.600	1.167.540
2	Móng tường xây gạch bi (tính bằng kê xây gạch) (0,5*0,3*6,1)	m <sup>3</sup>	0,915	556.600	509.289
3	Trụ công xây gạch bi (0,4*0,4*3)*2	m <sup>3</sup>	0,96	546.700	524.832
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>648.000</b>
1	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1	360.000	360.000
2	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	10	9.600	96.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	1	192.000	192.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>1.564.500</b>



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	14,9	105.000	1.564.500
<b>3</b>	<b>Hộ ông Nghiêm Thái Sơn</b>				
	Địa chỉ thường trú: Thôn Lương Đống 1, xã Hà Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình				
	<b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)</b>				<b>17.331.120</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>609.000</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	17,4		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	17,4	35.000	609.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Một phần diện tích đất được cấp GCNQSD đất số BQ261953 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 05/8/2016. Một phần diện tích theo Bản đồ địa chính đang quy chủ là đường giao thông nhưng thực tế do gia đình ông Nghiêm Thái Sơn sử dụng có cùng nguồn gốc với phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, nguyên nhân chồng lấn là do sai số trong quá trình đo đạc. Toàn bộ diện tích đất thu hồi do gia đình ông Sơn sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản trên đất do bà Giàng Thị Xoa xây dựng khoảng đầu năm 2016, sau đó tách 01 phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nghiêm Thái Sơn vào tháng 8/2016; tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cơ quan Nhà nước phê duyệt, khi xây dựng không bị cơ quan Nhà nước lập biên bản vi phạm hành chính)</b>				<b>2.199.120</b>
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (8,0*1,5)	m <sup>2</sup>	12	127.600	1.531.200
2	Móng tường xây gạch bi (tính bằng kê xây gạch) (0,5*0,3*8)	m <sup>3</sup>	1,2	556.600	667.920
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>96.000</b>



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	10	9.600	96.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>14.427.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	17,4	105.000	1.827.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 15, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu); thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp; hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở; mức hỗ trợ bằng 5 khâu * 30kg gạo* 6 tháng.	kg	900	14.000	12.600.000
<b>4</b>	<b>Hộ ông Giàng A Tăng</b>				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	<b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)</b>				<b>14.943.238</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>2.422.000</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	69,2		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	69,2	35.000	2.422.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Một phần diện tích được UBND huyện Tam Đường cấp GCNQSD đất số BQ261951 ngày 5/8/2016. Một phần diện tích theo bản đồ địa chính quy chủ là đường giao thông, đất thủy lợi nhưng thực tế do gia đình ông Tăng sử dụng có cùng nguồn gốc với thửa đất được cấp GCN trên. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc. Toàn bộ diện tích thu hồi do gia đình ông Giàng A Tăng sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai.				





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản trên đất do bà Giàng Thị Xoa xây dựng khoảng đầu năm 2016, sau đó tách 01 phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Giàng A Tăng vào tháng 8/2016; tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cơ quan Nhà nước phê duyệt, khi xây dựng không bị cơ quan Nhà nước lập biên bản vi phạm hành chính)</b>				<b>9.401.238</b>
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (34,2*1,5)	m <sup>2</sup>	51,3	127.600	6.545.880
2	Móng tường xây gạch bi (tính bằng kê xây gạch) (0,5*0,3*34,2)	m <sup>3</sup>	5,13	556.600	2.855.358
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>3.120.000</b>
1	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	6	360.000	2.160.000
2	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	40	9.600	384.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	3	192.000	576.000





**DỰ TOÀN KINH PHÍ TỒ CHỨC THỰC HIỆN**  
Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Cải tạo nâng cấp đường từ khu dân cư số 2 thị xã Nàng Nàng  
(Kèm theo Quyết định số **1296** QĐ-UBND ngày **11** tháng **8** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán TPTQĐ trình thẩm định					Giá trị dự toán thẩm định					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	
<1>	<2>	<3>	<4>	<5>	<6>	<7>	<8=4*5*6*7>	<9>	<10>	<11>	<12>	<13=9*10*11*12>	<14>
A	DỰ TOÀN KINH PHÍ TỒ CHỨC THỰC HIỆN (1+2)						80.298.988					38.440.821	
1	Kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư					68.646.949					37.558.240		
a	Kinh phí cho Trung tâm phải triển quỹ đất thành phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư					16.041.100					6.262.500		
b	Chi phí đo đạc địa chính (Đã được phê duyệt tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Lai Châu)					35.184.381					13.874.272		
c	Chi phí tư vấn xác định giá đất cụ thể (có dự toán riêng)					17.421.468					17.421.468		
2	Chi thẩm định cho các cơ quan liên quan					11.652.039					882.581		
B	DỰ TOÀN CHI TIẾT KINH PHÍ TỒ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (1+2+3+4+5+6)					#REF!					38.440.821		
1	Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Người	1	3		100.000	300.000	1	3		100.000	300.000	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm					38.443.581					15.653.872		
a	Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án	Người	1	3		100.000	300.000	1	3		100.000	300.000	
b	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương Bq giờ: (27,77+0,5*4,5)*1,490.000 đồng/22 ngày/8 giờ/9 người*200%= 61.650 đồng	Người/Ngày/Giờ	3	2	8	61.650	2.959.200	2	2	6	61.650	1.479.600	



TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán TTP/QĐ trình thẩm định					Giá trị dự toán thẩm định					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	
<1>	<2>	<3>	<4>	<5>	<6>	<7>	<8=4*5*6*7>	<9>	<10>	<11>	<12>	<13=9*10*11*12>	<14>
c	- Chi trích do địa chính Khu đất phục vụ công tác bồi thường và cắm mốc giới phòng mất bằng xây dựng công trình (Đã được phê duyệt Phương án thi công tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 08/5/2020)						35.184.381					13.874.272	
3	<b>Chi cho công tác định giá đất</b>						<b>17.421.468</b>					<b>17.421.468</b>	
	Chi phí định giá đất cụ thể (Có dự toán riêng)						17.421.468					17.421.468	
4	<b>Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường:</b>						<b>5.918.400</b>					<b>1.479.600</b>	
	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm. Lương Bq giờ: (27.77+0,5+4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng)	Người/ Ngày/Giờ	6	2	8	61.650	5.918.400	2	2	6	61.650	1.479.600	
	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm. Lương Bq giờ: (27.77+0,5+4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng)	Người/ Ngày/Giờ	7	3	9	61.651	11.652.039	3	3	7	61.651	3.884.013	
a	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng					585.560					441.290	
b	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tính để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể.	Đồng					234.224					176.516	
c	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tính để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	Đồng					234.224					176.516	
d	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư.	Đồng					117.112					88.258	
6	<b>Chi in ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe</b>						<b>6.563.500</b>					<b>2.703.300</b>	
a	- Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng						1.313.500					1.076.500	



TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán TTP/QĐ trình thẩm định					Giá trị dự toán thẩm định					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	
<1>	<2>	<3>	<4>	<5>	<6>	<7>	<8=4*5*6*7>	<9>	<10>	<11>	<12>	<13=9*10*11*12>	<14>
b	- Chi mức máy photocopy, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in						750.000					500.000	
c	- Chi xăng xe cho công chức, viên chức (500.000 đồng/tháng)	Người	9		1	500.000	4.500.000	5	3	4	18.780	1.126.800	





**BẢNG TỔNG HỢP TÍNH DỰ TOÁN ĐO ĐẶC GPMB**

Công trình: Chính lý riêng từng thửa đất phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cấm mốc GPMB xây dựng công trình:  
Cải tạo, nâng cấp đường từ khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nàng - Địa điểm tại: Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
(Kèm theo Quyết định số: 8296 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

Lương tối thiểu 1.490.000 đồng, công lao động phổ thông 75.000 đồng (K V 0,5)

DVT: đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mức KK	Khối lượng	Chi phí trực tiếp		Chi phí chung (25-15%)	CPTT+CPC	CPKS (3,54%)	CP KINT (4,3%)	Thuế VAT 10%	Giá trị sản phẩm
					Đơn giá	Thành tiền						
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8=7*0%	9=7+8	10=7*0%	11=9*0%	12=(0+...+1)*10%	13=9+...+12
1	<b>Chính lý riêng từng thửa đất: Đất khu vực đô thị (Định mức tính bằng 0,4 trích đo thửa đất)</b>											
*	<i>Diện tích thửa đất từ 1.000m<sup>2</sup> đến 3.000m<sup>2</sup></i>											
-	Ngoại nghiệp	thửa		1	1.088.897	1.088.897	272.224	1.361.121	38.547		139.967	1.539.635
-	Nội nghiệp	thửa		1	278.034	278.034	41.705	319.739	9.842		32.958	362.540
	<b>Tổng</b>				<b>1.366.931</b>	<b>1.366.931</b>	<b>313.929</b>	<b>1.680.860</b>	<b>48.389</b>		<b>172.925</b>	<b>1.902.175</b>
2	<b>Cấm mốc GPMB cục bê tông 10x10x70cm; đá 10x10x20cm (Chi phí trực tiếp định mức 0,7)</b>											
-	Cấm mốc GPMB để giao đất cho thuê đất	Mốc	2	20	378.901	7.578.020	1.894.505	9.472.525	268.262		974.079	10.714.866
	<b>Tổng</b>				<b>378.901</b>	<b>7.578.020</b>	<b>1.894.505</b>	<b>9.472.525</b>	<b>268.262</b>		<b>974.079</b>	<b>10.714.866</b>
3	In bản đồ	Tờ		7	100.000	700.000		700.000			70.000	770.000
4	<b>Tổng: 4=1+2+3</b>					<b>9.644.951</b>	<b>2.208.434</b>	<b>11.853.385</b>	<b>316.651</b>		<b>1.217.004</b>	<b>13.387.040</b>



**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU**

Chính lý riêng từng thửa đất phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cấm mốc GPMB xây dựng công trình:  
 Cải tạo, nâng cấp đường cấp đường từ khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nang - Địa điểm tại: Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 4296 /QB-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

Lương tối thiểu 1.490.000 đồng; công lao động phổ thông 75.000 đồng (KV 0,5)

DVT: đồng

TT	Nội dung công việc	DVT	Mức KK	Khối lượng	Chi phí trực tiếp		Chi phí chung (25-15%)	CP TT+CP C	CP KTNT (4-3%)	Thuế VAT 10%	Giá trị sản phẩm
					Đơn giá	Thành tiền					
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8=7*6%	9=7+8	11=9*6%	12=(9+..+11)*10%	13=9+..+12
<b>1</b>	<b>Chính lý riêng từng thửa đất: Đất khu vực đô thị (Định mức tính bằng 0,4 trích đo thửa đất)</b>										
*	Diện tích thửa đất từ 1.000m <sup>2</sup> đến 3.000m <sup>2</sup>										
-	Ngoại nghiệp	thửa		<b>1</b>	1.088.897	1.088.897	272.224	1.361.121	54.445	5.444	59.889
-	Nội nghiệp	thửa		<b>1</b>	278.034	278.034	41.705	319.739	9.592	959	10.551
	<b>Tổng</b>				<b>1.366.931</b>	<b>1.366.931</b>	<b>313.929</b>	<b>1.680.860</b>	<b>64.037</b>	<b>6.404</b>	<b>70.441</b>
<b>3</b>	<b>Cấm mốc GPMB cọc bê tông 10x10x70cm; đế 10x10x20cm (Chi phí trực tiếp định mức 0,7)</b>										
-	Cấm mốc GPMB để giao đất cho thuê đất	Mốc	<b>2</b>	<b>20</b>	378.901	7.578.020	1.894.505	9.472.525	378.901	37.890	416.791
	<b>Tổng</b>				<b>378.901</b>	<b>7.578.020</b>	<b>1.894.505</b>	<b>9.472.525</b>	<b>378.901</b>	<b>37.890</b>	<b>416.791</b>
<b>4</b>	<b>In bản đồ</b>	Tờ		<b>7</b>	100.000	700.000		700.000			
<b>5</b>	<b>Tổng: S=1+2+3+4</b>										
					<b>9.644.951</b>	<b>9.644.951</b>	<b>2.208.434</b>	<b>11.853.385</b>	<b>442.938</b>	<b>44.294</b>	<b>487.232</b>



**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ**  
**Dự án: Cải tạo nâng cấp đường từ khu dân cư số 2 đi xã Nùng Nang**

(Kèm theo Quyết định số: 1296 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Diễn giải
<b>A</b>	<b>Đơn giá sản phẩm</b>	<b>15.084.049</b>	
1	Chi phí trực tiếp	13.004.542	
a	Chi phí nhân công	26.627.518	<i>Theo bảng tính tiền công lao động</i>
b	Chi phí vật liệu	137.338	<i>Theo bảng tính vật liệu</i>
c	Chi phí dụng cụ	84.552	<i>Theo bảng tính dụng cụ</i>
d	Chi phí khấu hao thiết bị	155.134	<i>Theo bảng tính thiết bị</i>
2	Chi phí chung	2.079.507	<i>Thông tư 136/2017/TT-BTC</i>
<b>B</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>753.650</b>	
1	Chi phí khảo sát, lập dự toán	207.845	<i>Thông tư 136/2017/TT-BTC</i>
2	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	545.805	
<b>Tổng:</b>		<b>15.837.698</b>	
Thuế GTGT 10% :		1.583.770	
<b>Tổng giá trị thanh toán:</b>		<b>17.421.468</b>	

